

TIẾP CẬN VĂN HOÁ TRONG TÂM LÝ HỌC

Lê Đức Phúc

Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục.

Bài này được viết xuất phát từ một quan điểm chung nhất là sự hình thành và phát triển tâm lý bao giờ cũng là kết quả của những sự tương tác giữa gen, văn hoá và môi trường hoạt động, trải nghiệm của con người. Các nhà tâm lý học đã có nhiều công trình nghiên cứu, thực nghiệm để chứng minh điều đó. Và như vậy, *tiếp cận văn hoá* đã trở thành một vấn đề quan trọng trong tâm lý học. Nhưng, cho đến nay, chúng ta không chỉ có những quan niệm khác nhau về sự tiếp cận đó, mà còn cảm nhận rất rõ ảnh hưởng của chúng đối với việc đào tạo và nghiên cứu tâm lý học. Ở đây, do phạm vi có giới hạn của một bài viết cho tạp chí, tôi chỉ đề cập đến một số điểm cơ bản, cấp thiết nhất.

1. Về khái niệm “tiếp cận” (Approach, tiếng Anh)

Nếu đọc sách báo tâm lý học ở Việt Nam, người ta sẽ bắt gặp những cách diễn đạt phổ biến như “phương pháp tiếp cận lịch sử”, “phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách”, “phương pháp tiếp cận giá trị”, “phương pháp tiếp cận hoạt động - giá trị - nhân cách”. Trong từ điển tiếng Việt, tiếp cận được định nghĩa là “từng bước, bằng những phương pháp nhất định, tìm hiểu một đối tượng nghiên cứu nào đó”⁽¹⁾.

Thực ra, tiếp cận không chỉ là phương pháp. Đó là cách nhìn, cách thức nghiên cứu, xem xét, tìm hiểu vấn đề theo một quan điểm hay từ một góc độ nào đó. Cách tiếp cận xuyên văn hoá (cross - cultural approach) trong nhân học văn hoá và tâm lý học văn hoá, hay cách tiếp cận liên ngành, không chỉ từ bình diện triết học, đối với các vấn đề của nhận thức luận là hai trong nhiều ví dụ về khái niệm có ý nghĩa phương pháp luận, hơn là phương pháp, kỹ thuật này.

2. Tiếp cận văn hoá

Theo suy nghĩ chung, văn hoá thường được hiểu là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên. Nhưng, đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau do cả cách nhìn và chú ý nhấn mạnh một khía cạnh nào đó tạo nên, gắn với những tên tuổi như M.T. Cicero, J.G. Herder, A. Adler, L. White, R.

Benedict, E. Herriot, M. Herskovits, A. Schweitzer, Jae - Hyeon Choe v.v... Văn hoá có thể được xác định là phức hợp tâm lý chỉnh thể, được hình thành và phát triển cao độ trong hoạt động của cá nhân, phản ánh dấu ấn của một cộng đồng và là một nhân tố quan trọng bậc nhất của sự phát triển toàn diện nhân cách con người.

Chính vì tầm quan trọng đó của văn hoá, nên từ lâu, các nhà tâm lý học đã nghiên cứu đối tượng của mình theo tinh thần tiếp cận văn hoá. Trên lĩnh vực tâm lý học các dân tộc (Voelkerpsychologie), W. Wundt nhấn mạnh sự tham gia của cá nhân vào việc tạo ra giá trị văn hoá chung là Volksgeist (tinh thần của nhân dân). Với “Lý giải giấc mơ” (1900) và nhất là “Totem und Tabu” (Vật tổ và cấm kỵ), S. Freud không chỉ lưu ý các nhà phân tâm học chú ý tới các chuẩn mực xã hội, quá trình xã hội hoá, mà còn cho rằng con người bắt đầu có năng lực văn hoá khi tình cảm ăn năn, hối hận đã dẫn đến điều cấm loạn luân (Inzesttabu) và cấm ăn thịt động vật được coi là vật tổ (Totemtier). Các nhà tâm lý học nhóm, tâm lý học nhân văn, tâm lý học so sánh văn hoá... cũng đều góp phần làm sáng tỏ cách tiếp cận văn hoá, cho dù còn bộc lộ những điều cần trao đổi hoặc phê phán nào đó.

Cho đến nay, các nhà tâm lý học đã đề cập tới nhiều cách tiếp cận khác nhau, mà theo tôi, có thể khái quát thành các nhóm chung và riêng dưới đây:

1. Tiếp cận theo quan điểm tiến hoá và phát triển dẫn đến việc nghiên cứu văn hoá cũng như ảnh hưởng của nó theo hai tuyến liên quan với nhau là bổ dọc và cắt ngang. Đồng thời, khi tiến hành, người ta phải chú ý đến bốn cấp bậc: phát sinh chủng loại, phát sinh người, phát sinh cá thể, phát sinh thực tại.

2. Tiếp cận theo tinh thần của tâm lý học văn hoá, xuất phát từ mối quan hệ tương tác giữa tâm lý và văn hoá. Theo đó, có những cách tiếp cận như: Tiếp cận xuyên văn hoá, tiếp cận so sánh văn hoá, tiếp cận liên văn hoá.

3. Tùy theo vấn đề, mục đích và điều kiện, những cách tiếp cận nói trên lại được xử lý, cụ thể hoá cho phù hợp. Ví dụ, S. Moscovici khi nghiên cứu các biểu tượng xã hội đã sử dụng cách phân tích bộ phận “văn hoá khách quan” là các phương tiện thông tin đại chúng để tìm ra hạt nhân đặc trưng cho văn hoá của các biểu tượng xã hội, cơ sở bổ sung cho những số liệu điều tra ở các cá nhân về “văn hoá chủ quan”. Hoặc khi nghiên cứu nhân cách, cách tiếp cận nhân văn như của Carl Rogers đã tập trung hơn vào những sự kiện văn hoá, xã hội thời hiện đại, so với các cách tiếp cận khác chỉ nhấn mạnh đến vai trò của xung năng (Trieb) hay của những tác động thời thơ ấu (ví dụ, Basic Personality)...

3. Tiếp cận văn hoá trong toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá đem lại nhiều thuận lợi bao nhiêu thì cũng đã và đang đặt ra nhiều thách thức bấy nhiêu. Về hoạt động của một trường đại học và đào tạo

trên lĩnh vực tâm lý học, ở đây, tôi chỉ tập trung bàn về những yêu cầu mới đối với việc hội nhập theo tinh thần tạo ra những điều kiện, khả năng thích ứng ngày một cao hơn.

3.1. Nhanh chóng khắc phục tình trạng lạc hậu của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng

Trong bài “Giáo dục đứng ở đâu?” đăng trên báo “An ninh Thủ đô”, ngày 26 tháng 6 năm 2007 vừa qua, tác giả Đan Thanh cho biết cuối năm 2005, UNESCO xếp hạng Việt Nam là 64/127 nước về giáo dục: Tuy nhiên, năm 2006, chỉ số đánh giá tổng hợp về chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 32/1000 điểm, thuộc nhóm yếu kém nhất, xếp thứ 11 trong số 12 quốc gia châu Á.

Tình hình giáo dục đại học cũng không thể khác hơn, cho dù đã có một số chủ trương thể hiện nỗ lực đổi mới đáng ghi nhận. Để hội nhập và cạnh tranh, trường đại học phải trở thành một trung tâm tiếp thu, sáng tạo và truyền văn hoá (transmission): thực sự đại diện cho một nền văn hoá phát triển trong một thế giới được mở ra hơn trước rất nhiều. Muốn vậy, trường đại học cần thực hiện các chức năng sau đây⁽²⁾:

- Giáo dục có chất lượng cao.
- Đào tạo các nhà khoa học trẻ.
- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ.
- Nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn.
- Dịch vụ đối với xã hội trên nhiều lĩnh vực thông qua các hoạt động chuyển giao tri thức và công nghệ, tư vấn, cung cấp các sản phẩm khoa học.

Tuy nhiên, điều đó chỉ trở thành hiện thực khi trường đại học có một đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt trình độ cao. Đó là⁽³⁾:

- Các viện sĩ hàn lâm đầu ngành (Star - academician).
- Các nhà quản lý giỏi có năng lực chuyển các kết quả nghiên cứu thành tri thức có thể giảng dạy được (Impresarios).
- Các cố vấn đảm bảo việc sử dụng kỹ thuật, các phương tiện thông tin đa dạng phù hợp với các nội dung và quá trình giảng dạy, học tập.
- Các nhà tư vấn giáo dục (Education consultants) có thể góp ý, định hướng hành động cho sinh viên trong mọi vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, nhu cầu của họ.

3.2. Vấn đề văn hoá hướng ngoại và hướng nội

Các quá trình giao lưu văn hoá đang đặt ra một vấn đề phải quan tâm và lý giải mối quan hệ giữa văn hoá hướng ngoại và hướng nội mà Thomas L. Friedman đã đề cập tới trong “The Worrrld is Flat”⁽¹⁾.

Xét theo khía cạnh thứ nhất, đó là ảnh hưởng của văn hoá bên ngoài và khả năng tiếp nhận. Còn khía cạnh thứ hai là ý thức đối với truyền thống văn hoá và dân tộc của mình. Tuy nhiên, cách tiếp cận đồng thời, không tách biệt sẽ tạo ra những nhận xét và định hướng hành động sát hợp.

Thoạt tiên, người ta dễ tán thành ý kiến của tác giả cuốn sách nói trên khi ông nhấn mạnh: “tính mở cửa văn hoá là vô cùng quan trọng”⁽⁵⁾. Và theo tôi, nhờ đó, sự tiếp biến văn hoá (Acculturation) mới diễn ra từ hai phía (nội và ngoại), cũng như cả trong sự tương tác giữa truyền thống và hiện tại. Trên lĩnh vực giáo dục, những yêu cầu được thực hiện là:

- Nhận dạng, lựa chọn và tiếp thu tri thức như là các giá trị văn hoá đích thực. Nhà trường phải là nơi truyền đạt và lĩnh hội những tri thức cơ bản. Song, chỉ cần đọc một số sách giáo khoa, bài viết đăng trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học, chúng ta cũng thấy các ấn phẩm đó chưa đáp ứng được đòi hỏi nói trên, biểu hiện ở tình trạng chậm cập nhật thông tin mới; để tồn tại khá lâu nhiều kiến thức sai lầm; ít so sánh, phê phán và kiểm chứng v.v...

- Tăng cường nghiên cứu cơ bản và ứng dụng để một mặt, làm phong phú thêm vốn tri thức khoa học nói chung và tâm lý học Việt Nam nói riêng. Cho đến nay, tuy đã được đầu tư ngày càng nhiều, song chắc chắn, việc hầu như thiên về điều tra thực trạng, chưa chú ý đúng mức đến thực nghiệm, không phải là cách làm mang lại hiệu quả như mong muốn. Khi viết đến đây, tôi bất giác nhớ đến nhận xét của Louis de Broglie: “Nhiều ý tưởng khoa học lẽ ra sẽ khác đi, nếu trí tuệ của con người đi theo những con đường khác để đến với chúng”⁽⁶⁾. Trình độ khoa học ngày càng cao, bản sắc văn hoá dân tộc và bản lĩnh là những điều kiện không thể thiếu được.

Tiếp theo, tôi muốn bàn riêng về phương pháp trong văn hoá hướng ngoại và hướng nội. Có một sự thật không thể bỏ qua, mà Paul Fraisse đã từng nhận xét, là đôi khi, các nhà nghiên cứu thực nghiệm đã cung cấp cho đối thủ của họ những căn cứ phản bác khi đã quá quan tâm tới tính chính xác của các phương pháp hơn là những giá trị của những giả thuyết khoa học của mình. Ở đây, tôi chỉ nêu hai ví dụ để chứng minh.

Thứ nhất, đó là hiện tượng bỏ qua cái riêng biệt, đặc thù của văn hoá và cũng là của tâm lý, nhân cách con người. Việc đề cao cái chung, tuyệt đối hoá luận điểm “cân bằng văn hoá” nhiều khi đã dẫn đến tình trạng chỉ sử dụng “Culture Fair Test”, cho dù phải nghiên cứu cá nhân và nhóm có những đặc điểm tâm lý khác nhau, thuộc nhiều độ tuổi, đang sống và làm việc trong những hoàn cảnh, điều kiện không giống nhau.

Thứ hai, trong quá trình thao tác, nhiều người vẫn sử dụng các chuẩn mực, thang bậc không còn phù hợp với tiến hoá và phát triển. Điều đó chỉ cản trở bước tiến của khoa học, không thể tạo ra các giá trị văn hoá mới, vì là biểu hiện một thứ "Tư duy tiền khoa học, không nghiên cứu sự thay đổi (Variation) mà là nghiên cứu tính đa dạng (Variety)"⁽⁷⁾.

4. Giới hạn của văn hoá và sự thách đố trí tuệ

Văn hoá cũng có những giới hạn của nó tính đến một thời điểm nào đó. Chẳng hạn, Edgar Morin cho rằng ngày nay phải khắc phục "Sự chia cắt quá mạnh giữa một nền văn hoá ít hiểu (Culture sous - compréhensive - khoa học - kỹ thuật) và một văn hoá ít giải thích (Culture sous - explicative - nhân văn)"⁽⁸⁾. Tôi xin bổ sung thêm là cần phải tiến đến một văn hoá cải biến hiện thực theo định hướng giá trị chân - thiện - mỹ.

Với tư cách là những người giảng dạy và nghiên cứu, các nhà tâm lý học chỉ có thể vượt qua sự thách đố trí tuệ bằng việc không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ của mình. Ở đây, chuyên môn hoá là bằng chứng đối với một nền văn hoá sâu sắc... Văn hoá khoa học mà không chuyên sâu sẽ là một công cụ không có mũi nhọn, một con dao cùn⁽⁹⁾. Và vì thế, họ cũng phải có năng lực liên văn hoá.

Chí thích

1. Hoàng Phê (Chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*. NXB KHXH - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, 1994, tr. 953.
2. Theo Bildung und Wissenschaft 2/3 - 199, tr. 12.
3. Như trên, 3/1998, tr. 14.
4. Xem Thomas L. Friedman. *Thế giới phẳng*. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI. NXB Trẻ, 2005, tr. 593.
5. Như trên, tr. 592.
6. Louis de Broglie, *Physique et microphysique*, Paris 1947, tr. 9. Trích theo Gaston Bachelard (1993): *Epistemologie*. Fischer Taschenbuch Verlag, Frankfurt am Main, tr. 217.
7. Gaston Bachelard: Sdd, tr. 163.
8. Edgar Morin (2006): *Phương pháp 3. Tri thức về tri thức. Nhân học về tri thức*. NXB ĐHQG HN, tr. 282.
9. Gaston Bachelard: Sdd, tr. 163.